Biểu đồ usecase:

* Mô tả hệ thống cung cấp chức năng để đáp ứng ycau khách hàng
* DÙNG TRONG TẤT CẢ CÁC QUY TRÌNH – CỰC QUAN TRỌNG

Actor: hình người

* Là thành phần bên ngoài hệ thống, tương tác hệ thống
* Actor là người dung

Usecase: hình elip

* Gồm nhiều action steps(là 1 cviec k phân rã đc nx) để mô tả chức năng
* để tìm uc:
  + thực hiện chức năng gì?
* Đặt tên uc:
  + khái niệm
  + k sử dụng chuyên môn
  + ngắn gọn

Quan hệ: tác nhân -> UC

extend của uc: mũi tên chỉ vào thk gốc

* A là uc gốc, B là uc mở rộng (startUML): B là chức năng mở rộng của A (không bắt buộc)

Kế thừa: mũi tên chỉ vào thằng gốc (mũi tên đầu trắng rỗng)

Kịch bản: đặc tả uc

* có bn uc thì có bấy nhiêu kịch bản – KHÔNG ĐƯỢC THIẾU
* Bảng UC xem trong slide c4

BT1: vt kịch bản uc đăng nhập:

Người dung đăng nhập username + pass để đăng nhập

HT ktra thông tin và cho phép người dung đăng nhập hay k

BT2: vẽ biểu đồ UC siêu thị

BT3: vt kịch bản uc tạo hóa đơn

BT4: vt đặc tả cho all use case quản lý siu thị

BT3:

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case | Tạo hóa đơn |
| Tác nhân chính | Nhân viên thu ngân |
| Mục đích |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |